|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  *--------*  Số: /2019/TT-BTC  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *-----------------------------------------------*  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 274/2016/TT-BTC**

**ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định**

**mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan**

**và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh**

*-----------------------*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát thủ tục hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số**[**274/2016/TT-BTC**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-40-2011-tt-nhnn-cap-giay-phep-va-to-chuc-hoat-dong-ngan-hang-133060.aspx)**ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.**

1. Điểm a khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan (sau đây gọi là Tờ khai) hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ***quá cảnh;*** ***phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh[[1]](#footnote-1)*** và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đề nghị cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát, hoặc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải nộp phí hải quan theo quy định tại Thông tư này.”

2. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trị giá hải quan dưới 500.000 đồng ***và*** ~~hoặc~~[[2]](#footnote-2)có tổng số tiền thuế (các khoản thuế theo quy định) phải nộp dưới mức 50.000 đồng cho một lần xuất khẩu, nhập khẩu.”

3. Bổ sung khoản 7 Điều 3 như sau:

***“7. Người nộp phí, lệ phí là tổ chức đang làm thủ tục giải thể, phá sản không nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định và còn nợ phí hải quan từ 50.000 đồng trở xuống.”***

4. Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thu phí của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ~~tài khoản của~~ ***nộp cho*** tổ chức được ủy nhiệm thu ***phí, lệ phí*** ~~tại ngân hàng thương mại~~. ***Trường hợp người nộp phí, lệ phí là tổ chức có tài khoản tại ngân hàng thương mại thực hiện nộp phí, lệ phí theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thu phí của cơ quan hải quan mở tại KBNN hoặc nộp cho tổ chức được ủy nhiệm thu phí, lệ phí***.”

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Việc ủy nhiệm thu phí, lệ phí được thực hiện thông qua hợp đồng giữa ~~Tổng cục trưởng Tổng cục Hải~~ ***cơ quan hải*** quan với người đứng đầu của tổ chức được ủy nhiệm thu phí, lệ phí theo Mẫu số 01/UNTH/PLP ban hành kèm theo Thông tư này.”

6. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với cơ quan hải quan

a) Cơ quan hải quan thực hiện thu phí, lệ phí ~~trực tiếp~~ của người nộp và tổ chức được ủy nhiệm thu phí, lệ phí.

b) ~~Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tổng hợp số thu phí, lệ phí của Chi cục Hải quan trên địa bàn tỉnh, thành phố), Chi cục Hải quan các tỉnh chưa có Cục Hải quan~~ Tổng cục Hải quan (tổng hợp số tiền phí hải quan) thực hiện kê khai~~, nộp~~ phí~~, lệ phí~~ thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 ~~và khoản 2 Điều 26~~ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, ~~và nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.~~

***c) Chậm nhất ngày 5 hàng tháng, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nộp 100% số tiền lệ phí thu được tháng trước vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của mục lục ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.***

***d) Chậm nhất ngày 5 hàng tháng, cơ quan hải quan phải nộp toàn bộ số tiền phí hải quan thu được của tháng trước vào tài khoản tiền gửi thu phí của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc nhà nước để phục vụ theo dõi, thực hiện quản lý theo chế độ quy định.***

***đ) Hàng năm, Tổng cục Hải quan quyết toán các khoản thu phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh và tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm của Tổng cục Hải quan gửi Bộ Tài chính.”***

***7. Mẫu số 01/UNTH/PLP và Mẫu số 02/TB/TNP ban hành kèm theo Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung và ban hành kèm theo Thông tư này.***

**Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Công báo;  - Công Thông tin điện tử Chính phủ;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Công Thông tin điện tử Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, CST (CST5). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Vũ Thị Mai** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Mẫu số: 01/UNTH/PLP***  *(Kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* |

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **~~TỔNG CỤC HẢI QUAN/~~ CƠ QUAN HẢI QUAN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ------------------------------------------------------------------ |
| ----------------- |  |
| Số: ......../HĐ-...... |  |

**HỢP ĐỒNG**

**Uỷ nhiệm thu phí hải quan, lệ phí phương tiện, quá cảnh**

------------------------------

Căn cứ Luật quản lý thuế ~~số 78/2006/QH11~~ ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ~~số 21/2012/QH13~~ ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

~~Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát thủ tục hải quan~~;

***Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;***

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ ***Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của*** Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; ***Thông tư số /2019/TT-BTC ngày tháng năm 2019*** của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày ......... tháng ......... năm ............................

Tại: ....................................................................................

**Chúng tôi gồm:**

**I. BÊN ỦY NHIỆM THU PHÍ, LỆ PHÍ**

Cơ quan hải quan: .............................................................

Địa chỉ: ..............................................................................

Điện thoại: ........................................................................

Số Tài khoản:.....................................................................

Đại diện là: Ông (Bà) ................... Chức vụ: ....................

**II. BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU PHÍ, LỆ PHÍ**

Tên tổ chức: ......................................................................

Địa chỉ: .............................................................................

Điện thoại: ........................................................................

Số Tài khoản:....................................................................

Đại diện là: Ông (Bà) ................ Chức vụ: ......................

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng uỷ nhiệm thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh với những điều khoản như sau:

**Điều 1. Phạm vi uỷ nhiệm thu phí, lệ phí**

1. ...*(Tên của tổ chức uỷ nhiệm thu)........* uỷ nhiệm cho ...*(Tên của bên được uỷ nhiệm thu)............* thực hiện thu phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh thuộc đơn vị các tổ chức hải quan.

2.. ...(*Tên của tổ chức được uỷ nhiệm thu)*........... trong phạm vi được uỷ nhiệm thực hiện các công việc sau đây:... (*tuỳ thuộc vào nội dung hợp đồng ký kết, ghi cụ thể các công việc bên được uỷ nhiệm thu phải thực hiện)....*

**Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của ~~Tổng cục Hải quan~~ *Cơ quan hải quan* trong việc thực hiện hợp đồng**

1. Trách nhiệm của ~~Tổng cục Hải quan~~ ***Cơ quan hải quan***:

...*(Các nội dung theo thoả thuận)*…………….

2. Quyền của ~~Tổng cục Hải quan~~***/Cơ quan hải quan***:

a) Chấm dứt hợp đồng uỷ nhiệm thu khi tổ chức uỷ nhiệm thu không thực hiện đúng những nội dung đã ký kết.

b) ...*(Các nội dung theo thoả thuận)*…………….

**Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức được uỷ nhiệm thu trong việc thực hiện hợp đồng**

1. Trách nhiệm của tổ chức được uỷ nhiệm thu:

*...(Các nội dung theo thoả thuận)*……………….

2. Quyền của tổ chức được uỷ nhiệm thu:

a) Yêu cầu ~~Tổng cục Hải quan~~ ***Cơ quan hải quan*** thanh toán tiền thù lao đúng theo hợp đồng đã ký.

b) Chấm dứt hợp đồng uỷ nhiệm thu khi ~~Tổng cục Hải quan/~~***Cơ quan hải quan*** không thực hiện đúng những nội dung đã ký kết.

c) ...*(Các nội dung khác theo thoả thuận)*…………….

**Điều 4. Kinh phí uỷ nhiệm thu**

1. Tỷ lệ trích kinh phí uỷ nhiệm thu: Bên được uỷ nhiệm thu được hưởng thù lao uỷ nhiệm thu trích từ kinh phí hoạt động của cơ quan hải quan theo mức:

Bằng .... % tổng số tiền phí, lệ phí thu được..........;

2. Thời gian chi trả kinh phí uỷ nhiệm thu: ....*(Quy định cụ thể về thời gian chi trả như: trả định kỳ theo tháng, quý,....)........*

3. Hình thức chi trả kinh phí uỷ nhiệm thu: Kinh phí uỷ nhiệm thu được thanh toán bằng chuyển khoản thông qua tài khoản của bên được uỷ nhiệm thu mở tại..............................................................................................

**Điều 5. Thời hạn uỷ nhiệm thu**

Thời hạn uỷ nhiệm thu theo hợp đồng này là ............ năm, kể từ ngày....../....../......... đến hết ngày....../......./.........

**Điều 6. Bổ sung, gia hạn và thanh lý hợp đồng**

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện thấy còn những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung đều phải được lập thành văn bản có sự nhất trí của hai bên.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến trước thời điểm kết thúc thời hạn uỷ nhiệm thu, hai bên có thể thoả thuận gia hạn hợp đồng bằng văn bản.

3. Thanh lý hợp đồng:

a) Trường hợp không có thoả thuận gia hạn hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên hết hiệu lực khi kết thúc thời hạn nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này. Hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng uỷ nhiệm thu theo đúng quy định.

b) Trường hợp Hợp đồng được gia hạn thêm cho các kỳ tiếp theo thì hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thời gian đã gia hạn và tiến hành thanh lý Hợp đồng khi kết thúc thời gian đã gia hạn.

**Điều 7. Xử lý tranh chấp**

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã ký. Trường hợp có tranh chấp, hoặc một bên vi phạm hợp đồng thì cả hai bên cùng tự thương lượng, thoả thuận để có hướng xử lý và đạt được kết quả chung trước khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng này.

2. Trường hợp việc tự thương lượng và thoả thuận không đạt được kết quả thì vụ việc được đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Hai bên cam kết thực hiện mọi điều khoản đã cam kết trong hợp đồng với tinh thần hợp tác, hỗ trợ. Trường hợp phát sinh hoàn cảnh ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thảo luận để thống nhất giải quyết.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Hợp đồng này gồm có..... trang, được lập thành.... bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ .... bản và có hiệu lực kể từ ngày........./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN UỶ NHIỆM THU** | **BÊN ĐƯỢC UỶ NHIỆM THU** |
| *(chức danh người đại diện)* | *(chức danh người đại diện - nếu có)* |
| *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Mẫu số: 02/TB/PLP***  *(Kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* |
| ...*(Tên của tổ chức được uỷ nhiệm thu)*.....  ----------  Số:……/……..  V/v thu, nộp phí, lệ phí hải quan | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **----------------------------------------**  *…., ngày …. tháng … năm …* |

**THÔNG BÁO**

**Về tình hình thu nộp phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh theo Hợp đồng uỷ nhiệm thu**

**-------------------------------**

Kính gửi: .........

Căn cứ Hợp đồng ủy nhiệm thu số......... ngày ..../..../... giữa ~~Tổng cục Hải quan/~~cơ quan hải quan và *...(tên của tổ chức được uỷ nhiệm thu)*..............;

...*(Tên của tổ chức được uỷ nhiệm thu)*........ tổng hợp báo cáo việc thu nộp phí, lệ phí theo hợp đồng ủy nhiệm thu như sau:

1. Kết quả thu phí, lệ phí theo hợp đồng uỷ nhiệm thu đến ngày /…/201…:

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Loại phí, lệ phí được uỷ nhiệm thu** | **Số tiền phí, lệ phí phải thu** | **Số tiền phí, lệ phí đã thu** | **Số tiền phí, lệ phí còn phải thu** | **Số tiền phí, lệ phí thu được đã nộp vào KBNN cho Hải quan** | | | **Số tiền phí, lệ phí đã thu chưa nộp vào KBNN cho Hải quan** |
| **Số tiền** | **Số chứng từ nộp tiền** | **Ngày chứng từ nộp tiền** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(3)-(4) | (6) | (7) | (8) | (9)=(4)-(6) |
| 1 | Phí hải quan |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

Danh sách người nộp ~~lệ~~ phí hải quan***, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh*** còn nợ tiền phí, lệ phí được đính kèm theo.

2. Nguyên nhân dẫn đến việc nợ đọng tiền ~~lệ~~ phí hải quan***, lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh*** như trên:................................................

3. Số kinh phí uỷ nhiệm thu đề nghị chi trả trên số phí,lệ phí đã thu được nộp vào KBNN cho cơ quan hải quan:

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại phí, lệ phí được uỷ nhiệm thu** | **Số tiền phí, lệ phí đã thu được nộp vào KBNN** | **Tỷ lệ trích thù lao kinh phí uỷ nhiệm thu** | **Số tiền thù lao được hưởng** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (3) x (4) |
| 1 | Phí hải quan |  |  |  |
| 2 | Lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |

*...(Tên của tổ chức được uỷ nhiệm thu)...*............ thông báo để ~~Tổng cục Hải quan/~~cơ quan hải quan biết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **BÊN ĐƯỢC UỶ NHIỆM THU** |
| *....(tên cơ quan hải quan)* | *(Chức danh người đại diện - nếu có)* |
| *........* | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)* |

1. Chữ in đậm, nghiêng: nội dung bổ sung [↑](#footnote-ref-1)
2. Chữ bị gạch ngang: nội dung bị bãi bỏ [↑](#footnote-ref-2)